

Bản án số: **06/2019/HNGĐ-ST**;
Ngày: 29/3/2019;
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Xê.
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2019, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTH, sinh năm 1993; Trú tại: ThônLK, xã ĐG, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

- Bị đơn: Anh VHNQ, sinh năm 1993; Trú tại: ThônLK, xã ĐG, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTH trình bày:**

Chị kết hôn với anh VHNQ vào ngày 23/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐG, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau kết

hôn, vợ chồng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống của hai bên khác biệt, anh Q ít quan tâm đến vợ nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi làm cho quan hệ vợ chồng căng thẳng, chị và anh Q cùng hai bên gia đình đã trao đổi với nhau để giải quyết, khắc phục để đoàn tụ nhưng không có kết quả, nhiều lần chị về nhà mẹ đẻ sống, tháng 5 năm 2018, chị chuyển về ở hẳn nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên hệ gì với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Sau kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại gia đình cùng với bố mẹ anh Q, thời gian chung sống ngắn, hai vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình anh Q, chị không có yêu cầu gì về tài sản.

**** Quá trình tố tụng, bị đơn là anh VHNQ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.***

**** Tại Biên bản ghi lời khai, bà NTH, mẹ đẻ của anh VHNQ trình bày:***

Con trai và con dâu bà là VHNQ và NTH kết hôn tháng 11 năm 2017. Sau kết hôn, anh Q và chị H ở cùng với gia đình bà cho đến tháng 5 năm 2018 thì chị H về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau, giữa con trai và con dâu bà có xảy ra va chạm nhỏ, nay bà mong muốn các con đoàn tụ, về chung sống cùng nhau. Nếu con dâu bà kiên quyết ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật, giải quyết đơn phương ly hôn cho chị H.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân giữa chị NTH và anh VHNQ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai, cho chị H được ly hôn anh Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị NTH có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh VHNQ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Bị đơn là có hộ khẩu và nơi thường trú tại địa bàn huyện Hoài Đức. Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về hôn nhân: Chị NTH và anh VHNQ đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện và thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

Sau kết hôn, chị H và anh Q chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần chị H tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đại diện gia đình anh Q thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh Q xảy ra va chạm, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Từ tháng 5 năm 2018, chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh chị sống ly thân cho đến nay, không còn liên hệ gì với nhau. Chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đúng như chị H và đại diện gia đình anh Q đã trình bày. Bản thân anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã căng thẳng và kéo dài, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị NTH và anh VHNQ không có con chung.

2.3. Về tài sản chung: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 33; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTH. Chị NTH được ly hôn anh VHNQ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008620 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chị NTH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh VHNQ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Thành phố. Hà Nội;
- VKSND.H. Hoài Đức;
- Chi cục THADS.H. Hoài Đức;
- UBND xã ĐG;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Huy

